

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17-9-2021
*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Giang và ông Nguyễn Văn Xô.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thuý Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 15/2021/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/8/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/9/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm 1996; địa chỉ: K1, phường NC, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị Th có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Hồng Q, sinh năm 1989; địa chỉ: KDC TT, phường TD, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Anh Q vắng mặt

Người giám hộ cho anh Q: Chị Phạm Thị Ng, sinh năm 1982 (là chị gái của anh Q), địa chỉ: T2, xã HS, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Chị Ng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 01/9/2020, bản tự khai ngày, biên bản lấy lời khai ngày 26/01/2021, biên bản ghi lời khai ngày 26/5/2021, chị Th trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Th kết hôn với anh Phạm Hồng Q ngày 28/5/2014 được đăng ký kết hôn tại UBND phường TD, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, trước lúc kết hôn có được sự tìm hiểu và tự nguyện của hai bên. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được năm đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong làm ăn kinh tế, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mỗi người một ý nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ giữa năm 2015 chị Th và anh Q

không sinh sống cùng nhau, chị Th về nhà bố mẹ đẻ ở thành phố Hải Dương sinh sống và sinh con. Từ đó đến nay anh Q cũng không hỏi thăm chu cấp tiền để nuôi con. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân nhiều năm nên chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q. Chị được biết năm 2019 anh Q bị tai nạn xe máy, tuy nhiên việc anh Q bị tai nạn thì chị cũng không biết vì trước đó chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, gia đình nhà chồng cũng không báo cho chị biết việc anh Q bị tai nạn. Nay anh Q đã bình phục và nhận thức đi lại bình thường nên chị không đề nghị tuyên bố anh Q là người mất năng lực hành vi dân sự, là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

- *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Thị H, sinh ngày 27/7/2015 hiện đang ở cùng chị Th. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi con đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, chị tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Bố đẻ chị Th là ông Trần Văn Hoạt cũng đề nghị Tòa án giao cháu H cho chị Th trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, ông sẽ tạo điều kiện tốt nhất về chỗ ở cũng như chăm sóc cháu H giúp khi chị Th đi làm.

- *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp*: Chị xác định không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn - anh Q: Toà án cùng cán bộ phường đã đến nhà giao các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp và hoà giải cho anh Q, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các văn bản tố tụng khác, lập Biên bản làm việc, nhà chỉ có anh Q, bố anh Q là ông T và bà giúp việc ở nhà. Tuy nhiên, mỗi lần đến làm việc, giao các văn bản, bà giúp việc điện thoại cho các chị gái của anh Q, kết quả là các chị gái anh Q thông qua bà giúp việc ngăn cản việc để anh Q nhận văn bản tố tụng **cũng** như điểm chỉ vào văn bản làm việc. Cán bộ Tòa án đã đọc nội dung các văn bản tố tụng cho anh Q nghe và để lại văn bản tố tụng cần giao tại nhà anh Q. Anh Q, người giám hộ không đến toà để làm việc theo giấy triệu tập, mặt khác người giám hộ cũng như những thành viên khác trong gia đình anh Q không hợp tác trong quá trình toà án đến làm việc, giải quyết vụ án.

Biên bản làm việc ngày 26/5/2021 tại gia đình anh Phạm Hồng Q ở phường TD, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương có sự chứng kiến của ông Đỗ Văn Kh, sinh năm 1956, trú tại: KDC Nhắm Dương, phường Duy Tân, thị xã Kinh Môn là chú rể của anh Phạm Hồng Q (là người chứng kiến và cung cấp thông tin cho Tòa án), ông Phạm Văn T, sinh năm 1952 là bố của anh Q. Tòa án tiến hành làm việc, ông Kh cung cấp: Sau khi kết hôn với chị Th, vợ chồng anh Q chị Th sinh sống cùng nhà với ông Phạm Văn T được vài tháng thì ông T bị tai nạn, chân không đi lại và đi làm được. Ông T vẫn nhận thức nhưng không nói được vì bị tai biến. Trước đó chị Th đã bỏ về nhà đẻ ở thành phố Hải Dương sinh sống, khi đó chị Th còn vài tháng nữa thì sinh con, anh Q vẫn đi làm tàu sông, sau đó bị tai nạn xe máy vỡ sọ não, đi bệnh viện ở tỉnh Bắc Ninh điều trị, chị Th không một lần đến thăm và chăm sóc. Hiện ông T và anh Q sống cùng một nhà nhưng phải nhờ người chăm sóc. Chị Th không hề chăm lo cho gia đình

từ đó đến nay. Trong cùng buổi làm việc, Thẩm phán hỏi anh Q một số câu hỏi để kiểm tra về khả năng nhận thức của anh Q có sự chứng kiến của ông Kh, thấy rằng anh Q vẫn nhận thức được. Thẩm phán hỏi anh Q có yêu cầu Tòa án tuyên bố anh có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi không, anh Q lắc đầu. Tòa án giải thích quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí, anh Q có yêu cầu trợ giúp pháp lý không, anh Q lắc đầu. Tòa án hỏi chị Th xin ly hôn với anh anh có đồng ý hay không đồng ý, anh Q lắc đầu (không đồng ý). Tòa án hỏi ông T gia đình ông có yêu cầu đề nghị gì với chị Th không, ông T lắc đầu.

- Tòa án đã tiến hành xác minh:

+ Công an phường TD cung cấp: Anh Phạm Hồng Q có hộ khẩu thường trú tại KDC TT, phường TD, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (là chủ hộ). Trong sổ hộ khẩu anh Q chủ hộ thì có con gái là Phạm Thị H, sinh ngày 27/7/2015. Hiện anh Q đang ở cùng bố đẻ là ông Phạm Văn T, sinh năm 1952 có hộ khẩu thường trú riêng tại KDC TT, phường TD, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (Ngoài chủ hộ là ông T không còn thành viên nào khác trong sổ hộ khẩu). Ông Phạm Văn T có vợ là bà Lê Thị T sinh được 4 người con gồm: Phạm Thị Th (đã chết), Phạm Thị Ng, sinh năm 1982, Phạm Thị L, sinh năm 1987, Phạm Hồng Q, sinh năm 1989. Chị Ng lấy chồng ở xã Hoàn Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Chị Phạm Thị L lấy chồng ở phường An Sinh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Hiện chỉ có ông Phạm Văn T và anh Phạm Hồng Q là ở tại nhà KDC TT, phường TD, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Bà T không sinh sống ở địa phương, hiện ở đâu Công an phường không nắm được.

+ UBND phường TD cung cấp: Chị Th và anh Q kết hôn từ năm 2014 sau khi kết hôn sinh sống tại KDC TT, phường TD, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương được 1 thời gian thì vợ chồng chuyển lên Hải Dương sinh sống, chúng tôi không nắm được vợ chồng anh Q và chị Th có mâu thuẫn gì hay không. Tuy nhiên, từ khi anh Q bị tai nạn, anh Q về sinh sống tại KDC TT, phường TD thì chị Th không chung sống cùng anh nữa. Anh Q ở cùng bố đẻ là ông T, anh Q vẫn nhận thức được bình thường, đi lại được nhưng nói nghe không rõ. Vợ chồng anh Q có 1 con chung hiện đang sống với chị Th. Nay chị Th có đơn xin ly hôn, đề nghị được nuôi con chung thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Gia đình anh Q không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo tuy nhiên sau khi anh Q bị tai nạn, từ tháng 5/2020 anh Q được hưởng trợ cấp người khuyết tật đặc biệt nặng, số tiền anh Q được hưởng trợ cấp là 540.000 đồng/tháng. Do vậy, về kinh tế anh Q cũng thuộc hộ khó khăn. Việc chỉ định người giám hộ đại diện cho anh Q, người nhà anh Q không yêu cầu thì tùy gia đình anh Q quyết định, UBND phường cũng không ý kiến gì và cũng không chỉ định người đại diện, người giám hộ.

+ Công an xã Hoàn Sơn - Trưởng công an xã cung cấp: Chị Phạm Thị Ng, sinh năm 1982 hiện ở T2, xã HS, thị xã Kinh Môn có chồng là anh Nguyễn Văn M, chị Ng chuyển hộ khẩu về xã Hoàn Sơn từ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ở TT, TD, Kinh Môn sau khi kết hôn với anh M. Hiện chị Ng vẫn đang sinh sống ở địa chỉ trên.

+ Biên bản làm việc tại gia đình chị Phạm Thị Ng ở T2, xã HS, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (là chị gái của anh Q): Cán bộ tòa án cùng ông Mạc Tuấn Anh - Công an xã Hoàn Sơn đến nhà chị Ng để làm việc với chị Ng về việc cử người đại diện, người giám hộ cho anh Q; về việc có yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Q là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; mất năng lực hành vi dân sự hay không, trường hợp không có yêu cầu về tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, mất năng lực hành vi dân sự thì Tòa án chỉ định chị Ng là người giám hộ cho anh Q. Sau khi phổ biến nội dung trên với anh Nguyễn Văn M là chồng chị Ng (chị Ng không có ở nhà) thì anh M truyền đạt ý kiến của chị Ng như sau: Việc chị Th đề nghị Tòa án ly hôn với anh Q gia đình đã nắm được tuy nhiên anh chị không can thiệp vào việc ly hôn của vợ chồng chị Th, anh Q, tự vợ chồng anh Q, chị Th quyết định, anh chị không yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Q là người mất năng lực hành vi dân sự, là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi vì anh Q cũng đã và đang dần hồi phục nhận thức được mọi việc. Anh chị cũng không cử người đại diện, người giám hộ. Nếu Tòa án cử người đại diện, người giám hộ cho anh Q thì anh chị cũng từ chối. Từ nay đề nghị cán bộ Tòa án không làm việc với gia đình anh chị nữa, gia đình anh chị cũng từ chối không yêu cầu ai bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Q.

+ Biên bản xác minh tại Công an phường An Sinh - Trưởng Công an phường An Sinh cung cấp: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1987, có chồng là Đào Văn T, sinh năm 1985, hiện có đăng ký hộ khẩu tại Tổ 3, KDC Nghĩa Vũ, phường An Sinh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Trước khi kết hôn với anh T, chị L có hộ khẩu tại phường TD, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

+ Biên bản làm việc tại nhà chị Phạm Thị L, là chị gái của anh Q ở KDC Nghĩa Vũ, phường An Sinh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương: Cán bộ Tòa án cùng ông Nguyễn Hữu Tuyên - phó KDC Nghĩa Vũ, phường An Sinh, thị xã Kinh Môn đến nhà chị Phạm Thị L làm việc về việc yêu cầu gia đình cử người đại diện, người giám hộ cho anh Q; về việc có tuyên bố anh Q là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; mất năng lực hành vi dân sự hay không, trường hợp không có yêu cầu về việc tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người mất năng lực hành vi dân sự thì Tòa án chỉ định chị Phạm Thị L là người giám hộ cho anh Q. Sau khi phổ biến nội dung trên đối với chị L, chị L cho biết: Việc chị Th đề nghị Tòa án ly hôn với anh Q gia đình đã nắm được, tuy nhiên chị không can thiệp vào việc ly hôn của vợ chồng chị Th, anh Q, tự vợ chồng chị Th, anh Q quyết định. Chị không yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Q là người mất năng lực hành vi dân sự, là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi vì anh Q đã và đang dần hồi phục, nhận thức được mọi việc. Chị cũng không cử người đại diện, người giám hộ. Nếu Tòa án có cử người đại diện và người giám hộ cho anh Q thì chị cũng không chấp nhận, tự chị Th giải quyết ly hôn, chị còn bận công việc làm ăn nên đề nghị Tòa án không vào làm việc với gia đình chị. Chị xác định không ký nhận bất cứ giấy tờ nào do Tòa án giao cũng như không đến Tòa án làm việc theo yêu cầu của

Tòa án, cũng không yêu cầu và từ chối người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Q.

+ Qua xác minh, ông Trần Văn Hanh - Trưởng khu dân cư và bà Phạm Thị Thúy - Chi hội trưởng Phụ nữ khu dân cư: Ông Hanh cung cấp: Anh Q sinh năm 1989, trú tại KDC TT, phường TD, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ở cùng bố là ông Phạm Văn T. Ông T bị tai biến nhưng vẫn nhận thức được, chỉ thể hiện bằng hành vi mà không nói được thành lời. Khoảng năm 2019, anh Q bị tai nạn xe máy, ban đầu anh Q không tự phục vụ, sinh hoạt được đến nay anh Q đã hồi phục được phần nào có thể tự đi ra quán mua vật dụng sinh hoạt và tự sinh hoạt được, tuy nhiên còn hạn chế, nhận thức đôi khi vẫn chưa được như người bình thường. Do vậy, gia đình ông T phải thuê người giúp việc cho ông T và anh Q. Ông T có chế độ bệnh binh, gia đình không thuộc hộ nghèo, cận nghèo (cả ông T và anh Q đang được hưởng chế độ khuyết tật). Việc mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Q và chị Th ông không nắm được. Tuy nhiên, chị Th đã không còn chung sống cùng với anh Q và gia đình anh Q. Việc cử người giám hộ, người đại diện cho anh Q do gia đình anh Q quyết định, ông không có ý kiến gì. Bà Thúy cung cấp: Tình trạng sức khỏe của anh Q như ông Hanh cung cấp trên là đúng, bà cũng không nắm được anh Q và chị Th có mâu thuẫn gì hay không vì chị Th, anh Q không đề nghị Chi hội phụ nữ hòa giải.

- Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn đã có Thông báo chỉ định chị Phạm Thị Ng làm người giám hộ cho anh Q tham gia tố tụng; có Công văn số 01 ngày 09/7/2021 đề nghị Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hải Dương cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Q. Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hải Dương có Công văn số 290 ngày 20/7/2021 phúc đáp, xác định đã phân công trợ giúp viên pháp lý liên hệ với gia đình anh Phạm Hồng Q, anh Q thuộc diện người khuyết tật có khó khăn về tài chính, song gia đình anh Q cho biết, anh Q và gia đình không có yêu cầu trợ giúp pháp lý. Vì vậy, trường hợp này người thuộc diện được trợ giúp pháp lý không có yêu cầu trợ giúp pháp lý, Trung tâm không có căn cứ để thực hiện trợ giúp pháp lý cho anh Phạm Hồng Q.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Q, xin tiếp tục nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

- Bị đơn – anh Q, người giám hộ cho anh Q là chị Ng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Tòa án xử chấp nhận yêu cầu của

Nguyên đơn, cho chị Th ly hôn anh Q theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Về con chung: Giao cháu Phạm Thị H, sinh ngày 27/7/2015 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Về tài sản, nợ chung: Các bên không yêu cầu, nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn – anh Q trú tại phường TD, thị xã Kinh Môn, nên yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Q, người giám hộ cho anh Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt anh Q và người giám hộ.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Th và anh Q đủ điều kiện, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, biên bản xác minh và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Sau khi chị Th, anh Q kết hôn, chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ với nhau. Giữa năm 2015 chị Th về nhà đẻ tại thành phố Hải Dương sinh sống, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, sau khi chị Th sinh con, anh Q cũng chỉ một vài lần đến thăm con, sau đó không quan tâm gì đến vợ con, cũng không chu cấp tiền để nuôi con. Đến năm 2019, anh Q bị tai nạn, nay đã bình phục hơn và nhận thức được. Khi Tòa án tiến hành làm việc với anh Q, anh Q không đồng ý ly hôn với chị Th. Anh Q không yêu cầu Tòa án tuyên bố anh có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, không yêu cầu được trợ giúp pháp lý miễn phí để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Tòa án đã chỉ định nhưng người giám hộ - chị Ng (là chị gái anh Q) không tham gia tố tụng, không đề nghị tuyên bố anh Q là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, không yêu cầu và từ chối trợ giúp pháp lý, không hợp tác trong quá trình tòa án giải quyết vụ án. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Q, người giám hộ cho anh Q đến tham gia phiên hòa giải, tuy nhiên anh Q và người giám hộ không đến, chị Th vẫn cương quyết xin được ly hôn anh Q. Như vậy, thể hiện việc chị Th và anh Q không thể hàn gắn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật HNGĐ. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Th, xử cho chị

Th được ly hôn với anh Q là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Thị H, sinh ngày 27/7/2015, hiện đang ở cùng chị Th. Sau ly hôn chị Th có nguyện vọng tiếp tục nuôi con. Anh Q hiện chưa có khả năng lao động, việc sinh hoạt vẫn phải nhờ người khác phụ giúp. Chị Th hiện làm công nhân tại công ty TNHH May Trần An Việt Nam thu nhập trung bình khoảng 6-7 triệu đồng/tháng và đang ở cùng bố mẹ đẻ, được bố mẹ đẻ tạo điều kiện cho chị trong việc chăm sóc cháu H nên cần giao cháu Phạm Thị H cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th về việc không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị Th phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Chị Th, anh Q, người giám hộ cho anh Q có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Th.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Trần Thị Th được ly hôn với anh Phạm Hồng Q.

- *Về con chung*: Giao cháu Phạm Thị H, sinh ngày 27/7/2015 cho chị Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- *Về tài sản chung, riêng, nợ chung*: Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2018/0004057 ngày 18/01/2021, chị Th đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người giám hộ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn, bị đơn, người giám hộ;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND phường TD, thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Đào Văn Phúc

